



CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018







MỤC LỤC

- **TỔNG QUAN CÔNG TY**
- **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**
- **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
- **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA-FREIGHT

Giấy chứng nhận
đăng ký doanh
nghiệp số: 0302511219, do Sở Kế hoạch và Đầu
tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày
14/01/2002, thay đổi lần thứ 10 ngày
26/12/2018

Vốn điều lệ: 83.922.500.000 đồng

Vốn đầu tư của
chủ sở hữu: 83.922.500.000 đồng

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân
Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 38 44 64 09

Số fax: (84-28) 38 48 83 59

Website: vinafreight.com

Mã cổ phiếu: VNF

Tiền

thân

Công ty Vinafreight trước đây là đơn vị chuyên về vận tải hàng không thuộc công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP HCM (VINATRANS), chuyên thực hiện các dịch vụ về vận chuyển hàng không, dịch vụ hậu cần và đại lý tàu biển từ những năm đầu của thập niên 90. Trước tình hình sôi động của nền kinh tế thị trường, công ty Vinafreight được thành lập vào năm 1997. Chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập, Công ty đã nhanh chóng nổi lên như là một trong một số ít những doanh nghiệp thành công về dịch vụ giao nhận, hậu cần và đại lý hàng hải.

2001

Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển xí nghiệp dịch vụ kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, tên giao dịch là Vinafreight. Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty được tiến hành thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức, cơ cấu quản lý Công ty

2002

Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân được Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 14/1/2002. Chính thức trở thành thành viên của VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết

2003

Thành lập văn phòng Công ty tại khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, khu chế xuất Tân Thuận Thành và khu chế xuất Amata. Góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt – Nhật. Thành lập chi nhánh công ty tại TP.Hà Nội, TP. Hải Phòng đồng thời mở Phòng đại lý hãng tàu tại Quận 1 sau chuyển về Quận 4.

2004

Góp vốn thành lập công ty TNHH DVHK Vector Quốc tế (tỷ lệ góp vốn 90%); góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập vào công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn: 40%)

Quá trình hình thành và phát triển

2005-
2006

Tăng vốn góp vào Công ty TNHH DVHK Vector Quốc Tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng. bỏ chỗ góp vốn thành lập Công ty Vector

2007

Chính thức đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng. Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 1 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

2008

Công ty thực hiện trọn gói việc vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất cho 1 số khách hàng lớn từ nước ngoài. Trong năm Công ty Vector chính thức đảm nhận khai thác chuyển bay feeder hàng hóa SGN-BKK. Trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.

2009-
2010

Mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty Vector được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air, khai thác máy bay freighter của hãng Transaero. Ngày 01/12/2010 chính thức giao dịch cổ phiếu VNF trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

2011 -
2012

Tháng 10/2011, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không Toàn cầu Vina Vinatrans (VAX Global) quyết định giải thể Công ty, là một trong số các Công ty liên kết của Vinafreight (chiếm 40% vốn góp). Tháng 11/2011, Công ty góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam). Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 15 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng

2013 -
2014

Lần đầu tiên Công ty VNF được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Năm thứ hai liên tiếp Công ty VNF nằm trong danh sách TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Công ty con Vector Aviation được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways/ Ấn Độ

2015

Ngày 27 tháng 01 năm 2015, Công ty cổ phần Vinafreight đã được Bộ GTVT cấp giấy phép KD vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06 tháng 11 năm 2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10 tháng 11 năm 2015, được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc)

2017

Ngày 20/05/2017, Công ty CP Vinafreight và phòng đại lý hãng tàu Pan Con đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc – Việt Nam – Thái Lan.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐIỂM BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chi tiết của công ty như sau:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu.
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận nước ngoài
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất khẩu
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi.
- Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ thương mại

Trong đó có 5 mảng hoạt động chính bao gồm:

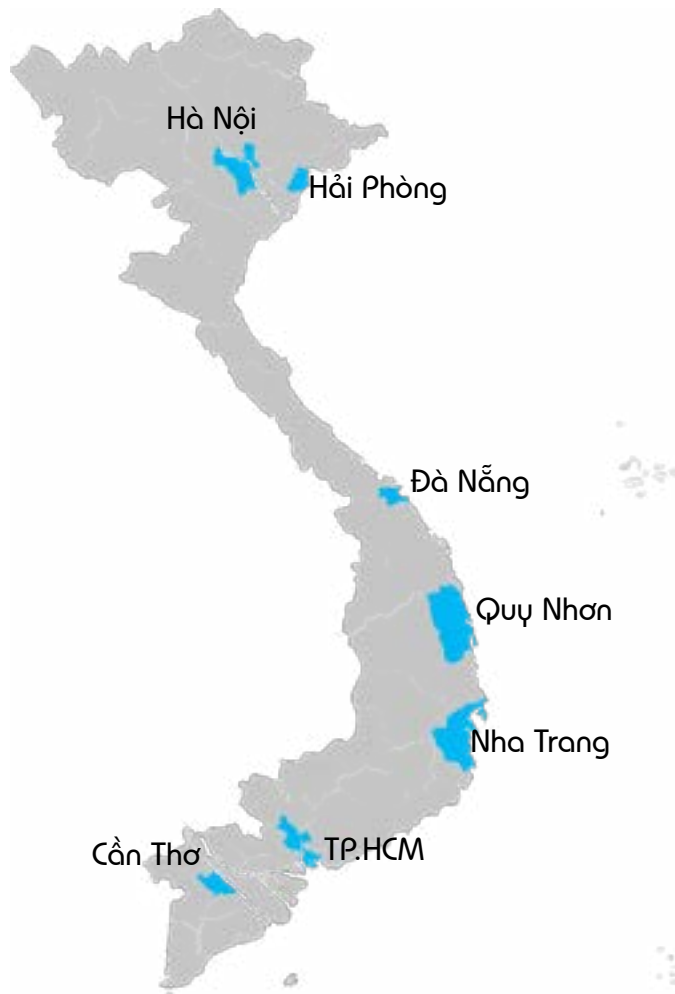
Dịch vụ hàng không

- Vận chuyển hàng không
- Vận chuyển kết hợp đường biển hàng không
- Dịch vụ giao hàng tận nơi
- Khai thuế hải quan
- Môi giới bảo hiểm hàng hóa
- Dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu
- Giám định hàng hóa

Dịch vụ đường biển

- Dịch vụ hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới
- Dịch vụ gom hàng và chia lẻ
- Đại lý cho người mua hàng
- Khai thuế hải quan
- Dịch vụ xe tải
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa
- Dịch vụ hàng dự án và triển lãm

Địa bàn kinh doanh



Hiện nay, địa bàn kinh doanh của Công ty đã trải rộng khắp các khu vực trong cả nước, trong đó VINAFREIGHT đã có cơ sở tại các tỉnh và thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ đại lý tàu biển

- Dịch vụ đại lý hàng hải
- Dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải
- Kiểm hàng và dịch vụ tàu biển

Dịch vụ giá trị gia tăng

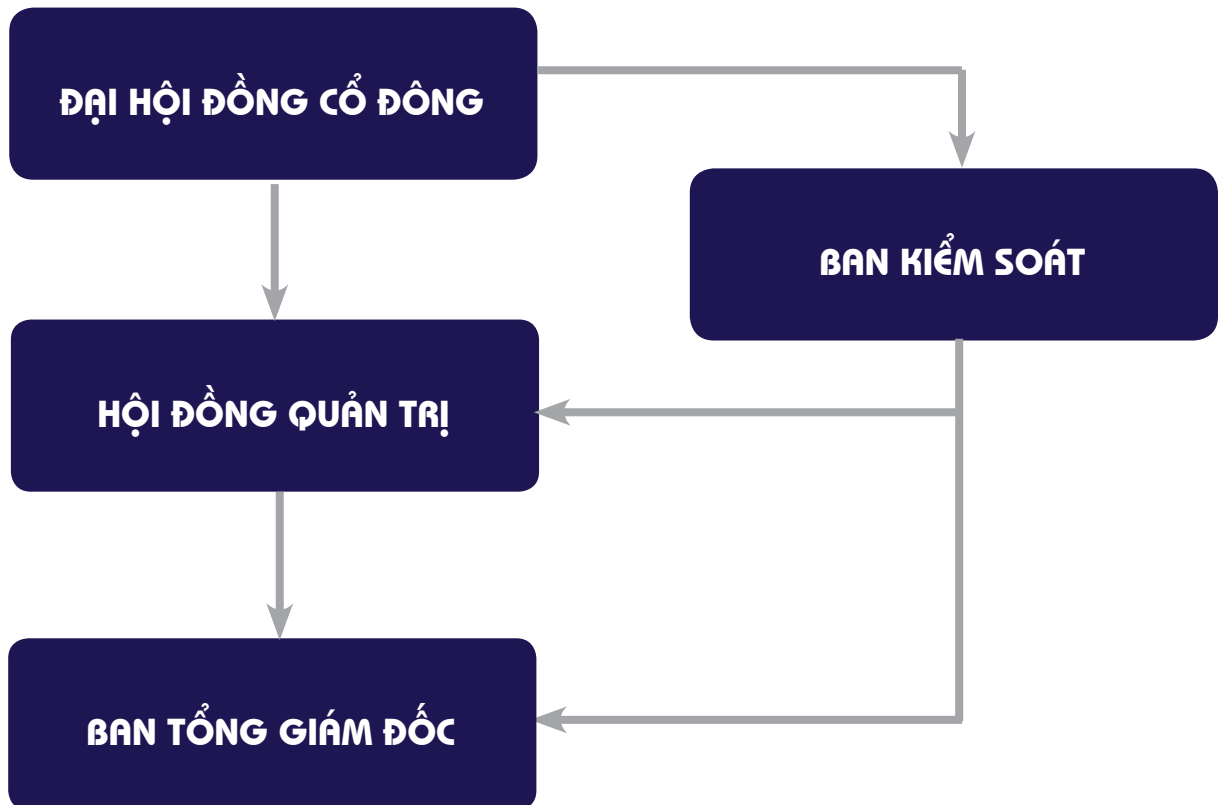
- Dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho
- Tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất

Cho thuê kho bãi

- Hệ thống kho CFS: 3.000 m²
- Kho lạnh: 1500 m² sức chứa khoảng 1.800 tấn
- Hệ thống kho: Kho ngoài trời: 10.000 m²; Kho trong nhà: 6.000 m²
- Thiết bị bốc dỡ Đầu kéo: 20 Moóc kéo: 6 x 20' và 14 x 40' Xe tải: 3 x 2,5 tấn và 1 x 0,5 tấn Xe nâng: 1 x 7 tấn và 1 x 10 tấn

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

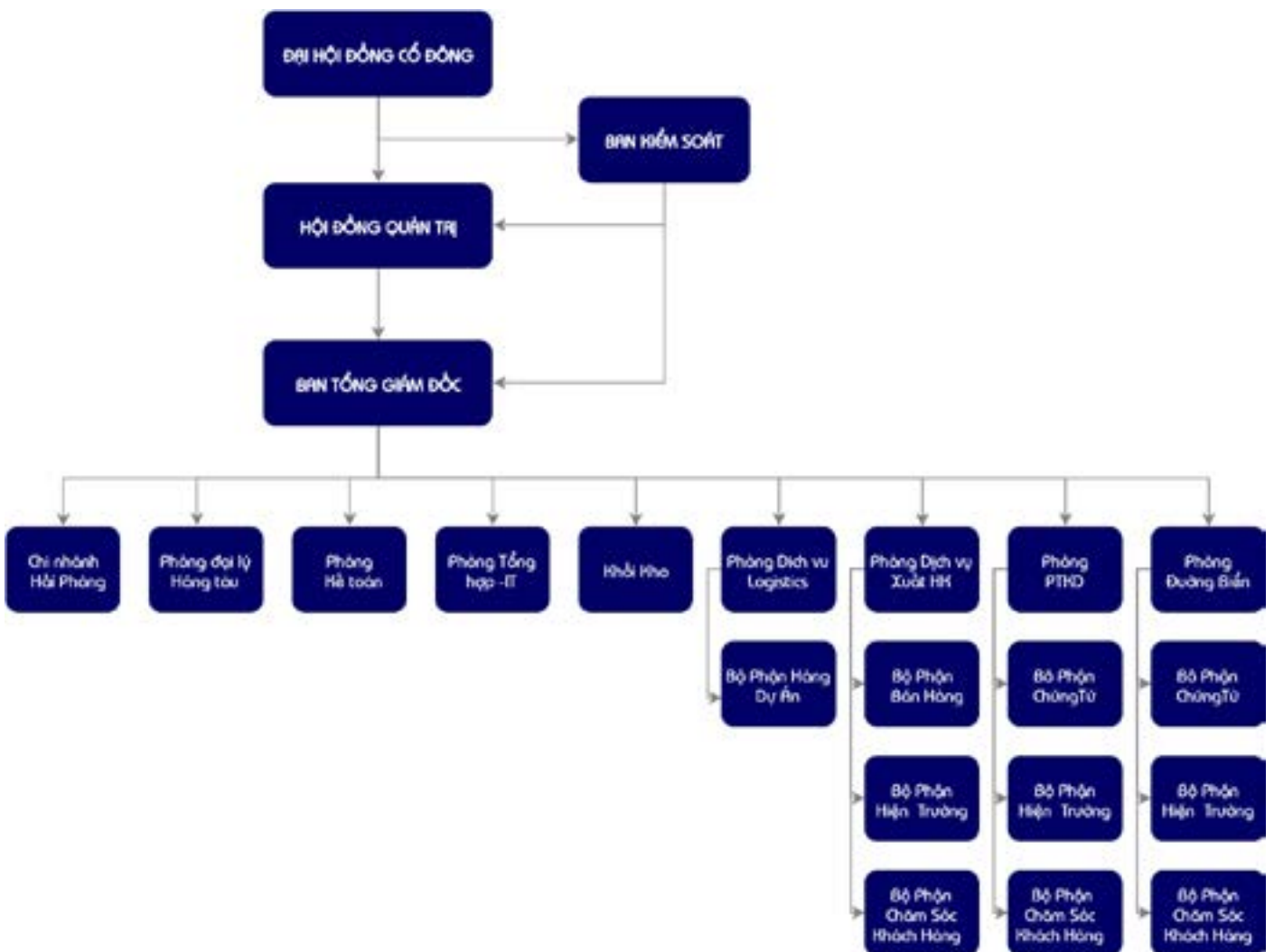
Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan với cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.
- **Ban điều hành:** Bao gồm Tổng Giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc. Là cơ quan điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con

1. Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

- Địa chỉ: 39B Trường Sơn, Lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa

2. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (Vietway)

- Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa, Đại lý bán vé máy bay

3. Công ty TNHH Hộ Cầu Toàn Cầu SFS Việt Nam

- Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 100%
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.



Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG (VINATRANS ĐÀ NẴNG)

- Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 27,89%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG (VNT LOGISTICS JSC)

- Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 24,78%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS THĂNG LONG

- Địa chỉ: Thôn Bưởi, xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 25%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng; Công nghiệp; dịch vụ Logistics

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC

- Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 20%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

CÔNG TY TNHH CHUYỂN PHÁT NHANH EXPOVINA (EXPO VI NA) (*)

- Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 39,00%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa

(*) VINAFREIGHT đang hoàn tất thủ tục giải thể

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

VINAFREIGHT luôn đặt lợi ích khách hàng là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Với triết lý kinh doanh “chúng ta cùng thắng”, Công ty hoạt động với tư duy luôn hướng đến khách hàng, vì khách hàng. Bên cạnh đó, công ty luôn hướng đến chiến lược kinh doanh linh hoạt, không ngừng đổi mới với mục tiêu lớn nhất là: “Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên quyết tâm xây dựng Công ty cổ phần VINAFREIGHT trở thành một tập đoàn Logistics lớn mạnh trên cơ sở ổn định và hiệu quả.”

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu từ Campuchia và Lào qua cảnh Việt Nam đi các nước bằng đường biển, hàng không và ngược lại.

Xây dựng thương hiệu VINAFREIGHT ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh cả trong và ngoài nước.

Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới

Trong định hướng phát triển chung, VINAFREIGHT hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của VINAFREIGHT luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Phát triển kinh doanh bền vững để ổn định vị trí hàng đầu của Vinafreight trong các doanh nghiệp logistics Việt Nam, xây dựng đội ngũ nhân viên đủ kinh nghiệm và bản lĩnh kinh doanh trong tình hình cạnh tranh và hội nhập mới, qua đó đóng góp tích cực cho kinh tế và xã hội Việt Nam trên cơ sở 3 nhóm đối tượng Doanh nghiệp – Thị trường – Cộng đồng xã hội. Chúng tôi luôn chú trọng đến trách nhiệm và lợi ích mang đến cho xã hội bên cạnh lợi nhuận của công ty. VINAFREIGHT luôn đảm bảo rằng những hoạt động của công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội và góp phần phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, VINAFREIGHT luôn coi trọng bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước và nguồn tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch, phân loại và bỏ rác thải đúng nơi qui định không ảnh hưởng đến môi trường, sử dụng văn phòng phẩm tiết kiệm và đúng mục đích.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

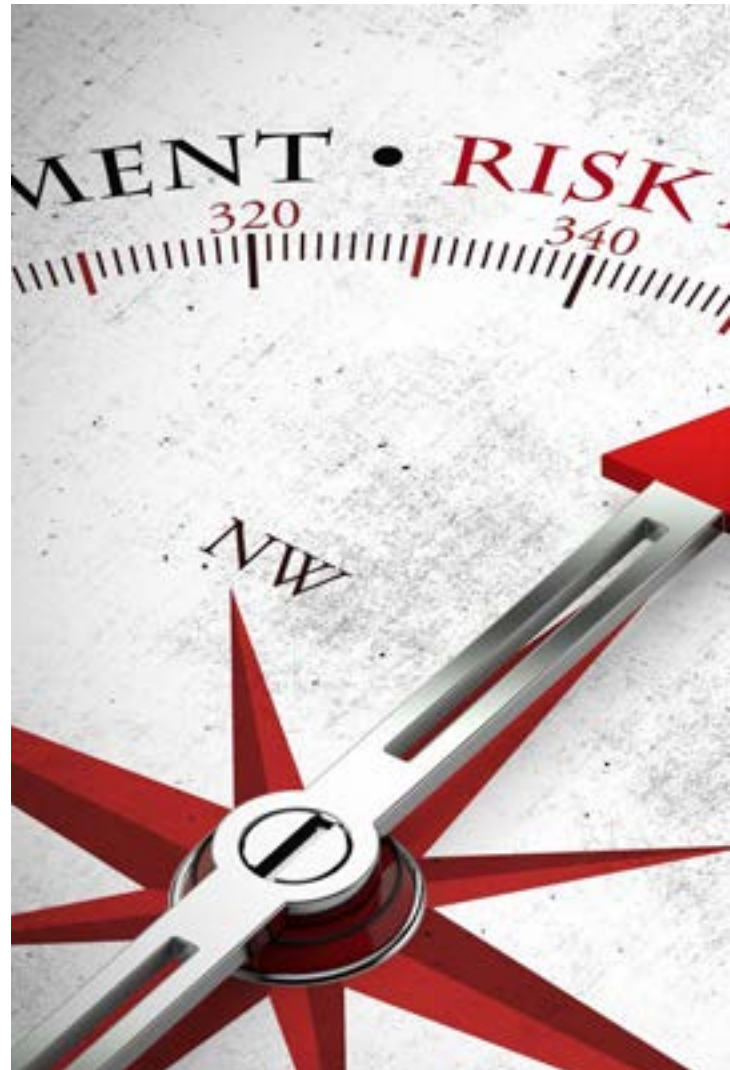
Năm 2018 là năm đã đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất của nền kinh tế nước ta với mức tăng trưởng GDP 7,08%. Tuy nhiên, những mối lo về tỷ lệ nợ công, bội chi ngân sách Nhà nước, năng suất lao động thấp, cùng với vấn đề ô nhiễm môi trường ... đang đe dọa đến sự phát triển của nền kinh tế.

Với ngành nghề kinh doanh liên quan chủ yếu đến các hoạt động xuất nhập khẩu, có thể dễ dàng thấy được tăng trưởng kinh tế và thương mại là động lực chủ yếu cho tăng trưởng và phát triển của VINAFREIGHT. Rủi ro kinh tế là rủi ro hệ thống và tác động đến toàn ngành nghề đang hoạt động trong nền kinh tế. Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng và phân công nhiệm vụ cho nhân viên theo dõi và báo cáo thường xuyên diễn biến thị trường. Với mục đích giúp Ban lãnh đạo có thể ứng phó kịp thời với những rủi ro này, đưa ra những đối sách thích hợp, đảm bảo hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất cho Công ty

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Một đặc thù bất lợi của ngành logistics là khoản phải thu khách hàng lớn. Các công ty trong ngành luôn phải chi trả trước một khoản chi phí cho các hãng vận chuyển. Khi các khách hàng gặp vấn đề tài chính và không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Vinafreight, Công ty sẽ đối diện rủi ro tín dụng, chậm trễ trong việc thực hiện kế hoạch đề ra, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để đôn đốc các đơn vị liên quan thu hồi khoản nợ. Công ty cũng tiến hành đa dạng hóa rủi ro bằng cách chia nhỏ khoản vay cho nhiều đơn vị và đối tác. Đối với khách hàng mới, Công ty chỉ giao dịch với các đơn vị có năng lực tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ.



RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và bán vé máy bay quốc tế, Vinafreight sử dụng đồng tiền chủ yếu là USD nên biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Năm 2018, tỷ giá USD/VND tăng 2,15% do FED tăng lãi suất, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhận thức được nguy hại của rủi ro tỷ giá, Công ty đã đưa ra một số biện pháp nhằm hạn chế những biến động của tỷ giá tác động đến hiệu quả kinh doanh như tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh toán.



RỦI RO THANH TOÁN CHO CÁC ĐỐI TÁC

Trong lĩnh vực logistics, các công ty thường xuyên bị chiếm dụng vốn do phải thanh toán trước cho các hãng hàng không và tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty. Khi các hợp đồng không được thanh toán kịp thời và đầy đủ, tình hình tài chính của Vinafreight sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, việc thanh toán sẽ có nhiều khó khăn nếu trong quá trình vận chuyển phát sinh sai sót.

Để nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ và giảm thiểu rủi ro thanh toán, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình tài chính của Công ty, xác định khả năng thanh toán của khách hàng, từ đó đưa ra các biện pháp, chính sách kịp thời, phù hợp và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở, các quy định có liên quan khác..

Hoạt động chủ yếu trong ngành giao nhận vận tải nên Công ty cũng được điều chỉnh chủ yếu bởi Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các quy định về thủ tục hải quan cũng như những tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước...

Năm 2018, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực và Việt Nam đã ký kết, đàm phán thêm một số hiệp định thương mại quốc mới nhằm mở rộng thị trường cho hàng hóa nước ta. Đây là dấu hiệu tích cực sự phát triển của ngành Logistics nói chung và Vinafreight nói riêng. Để tận dụng tốt cơ hội này, Vinafreight phải hiểu rõ và tuân thủ các quy định khắt khe trong Hiệp định, tiêu chuẩn nghiêm ngặt ở các quốc gia thành viên cũng như những quy định trong Luật quốc tế. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật để kịp thời đưa ra những định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp cho Công ty.

RỦI RO KHÁC

Hoạt động trong lĩnh vực vận tải, Vinafreight cũng phải đối diện với các rủi ro liên quan đến thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Nhằm tối thiểu hóa thiệt hại của những rủi ro này, Vinafreight vẫn luôn chủ động thực hiện các hợp đồng bảo hiểm cho cả con người và tài sản, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu do các rủi ro này gây ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh nền kinh tế

Năm 2018, các chính sách bảo hộ thương mại triển khai ở nhiều quốc gia, gây trở ngại cho nền kinh tế thế giới, nhất là ngành xuất nhập khẩu. Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới (Worldbank) ước tính tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2018 chỉ đạt 3,1%, dự báo năm 2019 là 3% nếu căng thẳng thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn.

Đi ngược lại bối cảnh chung, nền kinh tế Việt Nam lại có sự phát triển vượt bậc, GDP tăng trưởng 7,08% so với năm 2017. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 12,2% và nhập khẩu tăng 11,1%. Đây vừa là động lực vừa là thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành, bởi sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty trong nước và công ty đa quốc gia trong lĩnh vực logistics.

Vinafreight với những thuận lợi và khó khăn chung của nền kinh tế đã đạt được kết quả kinh doanh sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	1.881.124	1.667.472	-11,36%
2	Giá vốn hàng bán	1.806.305	1.608.770	-10,94%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	13.573	16.505	21,61%
4	Chi phí tài chính	4.931	7.974	61,72%
5	Chi phí bán hàng	16.531	16.764	1,41%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.310	21.849	-10,13%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.104	36.432	-31,39%
8	Lợi nhuận khác	765	3.032	296,18%
9	Lợi nhuận trước thuế	53.869	39.464	-26,74%
10	Lợi nhuận sau thuế	44.213	33.710	-23,76%
11	EPS (Đồng)	6.269	4.851	-22,62%

- Doanh thu thuần giảm 11,36% so với năm 2017. Nguyên nhân chính là do sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty logistics nội địa và nước ngoài. Hiện nay, phần lớn các công ty vận tải biển của Việt Nam đều có quy mô vừa và nhỏ nhưng nhu cầu vận chuyển với trọng tải lớn tăng cao, do đó, các công ty trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 21,61%. Năm 2018, tỷ giá USD/VND tăng đã làm cho các khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng 2,2 tỷ đồng; đồng thời các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia tăng 1,9 tỷ.

- Lợi nhuận khác tăng 296,18%. Nguyên nhân chính là do xử lý các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, 2,8 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.950.000	1.687.062	86,52%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	57.000	39.464	69,24%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	%	10 – 15%		

Các công ty nước ngoài ngành logistics đang thâm nhập khá sâu vào thị trường nội địa, gây ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của các doanh nghiệp nội địa. Do đó, các chỉ tiêu tổng doanh thu là lợi nhuận đều không đạt chỉ tiêu đề ra.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	1,43%
2	Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	-
3	Chu Việt Cường	Thành viên	-
4	Lê Duy Hiệp	Thành viên	-
5	Trương Minh Long	Thành viên	-
6	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	0,006%
7	Tôn Thất Hưng	Thành viên	-

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phan Phương Tuyền	Thành viên	0,015%
2	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	0.00%
3	Lê Văn Hùng	Trưởng ban	0.00%

Thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Bích Lân	Giám đốc	1,43%
2	Nguyễn Huy Diệu	Phó Giám đốc	0,006%
3	Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng	0,069%

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành



Ông NGUYỄN BÍCH LÂN

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Trình độ chuyên môn: cử nhân ngoại ngữ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 80.250 cổ phần, chiếm 1,433% vốn điều lệ
- Quá trình công tác:
 - 1988 – 2001: Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans
 - 2001 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight



Ông NGUYỄN HUY DIỆU

Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: cử nhân
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 350 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
- Quá trình công tác:
 - 1987 – 2002: Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans.
 - 2002 – 2008: Trưởng phòng Nhập Hàng không Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight.
 - 2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight.



Bà LÊ THỊ NGỌC ANH

Kế toán trưởng

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 3.890 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ
- Quá trình công tác:
 - 1998 – 2001: Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan.
 - 2001 – 2002: Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight
 - 2002 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight



Ông BÙI TUẤN NGỌC
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông CHU VIỆT CƯỜNG
Thành viên HĐQT



Ông LÊ DUY HIỆP
Thành viên HĐQT



Ông TRƯƠNG MINH LONG
Thành viên HĐQT



Ông TÔN THẮT HƯNG
Thành viên HĐQT



Ông LÊ VĂN HÙNG
Trưởng BKS



Bà NGUYỄN HỒNG KIM CHI
Thành viên BKS



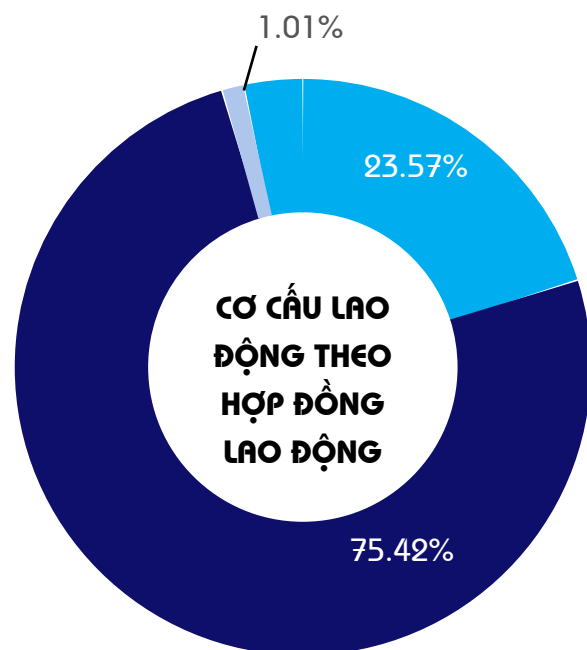
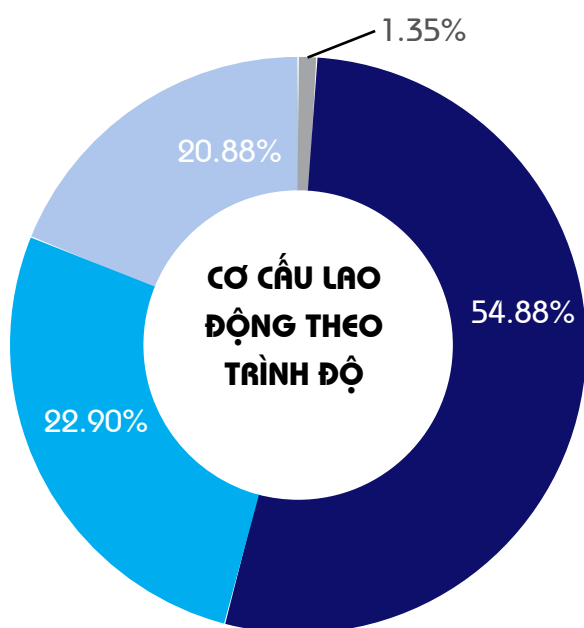
Bà PHAN PHƯƠNG TUYỀN
Thành viên BKS

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/201, tổng số lao động là 297 người với cơ cấu sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	297	100%
1	Trên Đại học	4	1.35%
2	Đại học	163	54.88%
3	Cao đẳng	68	22.90%
4	Khác	62	20.88%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	297	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	70	23.57%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	224	75.42%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	3	1.01%



- Trên Đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Khác

- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)



Chính sách cho người lao động

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

01

- Thời gian làm việc: Công ty tuân thủ theo Quy định của pháp luật về thời gian làm việc: 8 giờ mỗi ngày, 48 giờ mỗi tuần.
- Môi trường làm việc: Công ty luôn tạo một môi trường làm việc năng động và thân thiện góp phần đẩy mạnh gia tăng năng suất
- Bảo hộ lao động: Nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cho người lao động.
- Chế độ khám sức khỏe: Sức khỏe người lao động là yếu tố quyết định đến hiệu quả công việc của người lao động, do đó hàng năm Công ty luôn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.



02

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG

Tuyển dụng: Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân sự, Công ty luôn chú trọng đến việc tuyển dụng nguồn nhân lực tài năng. Tùy thuộc vào từng vị trí tuyển dụng, mà Công ty có những điều kiện và yêu cầu khác nhau về chuyên môn, phẩm chất, sáng tạo nhằm đáp ứng tốt công việc, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận.

Đào tạo: Ngoài nguồn lực đầu vào chất lượng, Công ty cũng quan tâm đến việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề của người lao động. Hằng năm, người lao động được đào tạo dưới hình thức đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Thông qua các buổi đào tạo, người lao động có thể phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc. Dựa trên từng khả năng của người lao động, Công ty sắp xếp vào từng vị trí phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, các cán bộ nhân viên quản lý được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các khóa học về kiến thức quản lý, chuyên môn.

03

CHÍNH SÁCH LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI

Dựa trên quy định hiện hành của Nhà nước và kế quả kinh doanh của Công ty mà xây dựng mức lương cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, tùy thuộc vào vị trí nắm giữ, mức độ hoàn thành công việc, giá trị sản phẩm tạo ra và tiêu chuẩn khác tại từng bộ phận, phòng ban mà đưa ra các mức thu nhập cho từng nhân viên Công ty. Nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của nhân viên, Công ty luôn đảm bảo mức lương xứng đáng với công sức người lao động, đảm bảo công bằng, minh bạch trong thực hiện các chính sách lương, thưởng, trợ cấp.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng – kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

Tình hình thu nhập của của công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	9.000.000	9.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.500.000	13.000.000	13.000.000

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết

Năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết trước đây và bổ sung thêm cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty sau:

- **CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Mã CP: VNT)**

Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Mã CP: VNT) với số lượng là 981.500 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu Công ty CP Vinafreight đang sở hữu: 1.980.000 cổ phiếu (tương ứng với tỉ lệ 23,06% vốn điều lệ)

- Số lượng mua thêm: 981.500 cổ phiếu

- Tỉ lệ sở hữu trên số vốn hiện tại của của VNT sau khi mua thêm: 24,78%



- **CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long**

Công ty đã góp thêm 20.000.000.000 đồng để duy trì tỷ lệ góp vốn của VNF vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long là 25% vốn điều lệ khi công này hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

- Vốn góp ban đầu của VNF: 9.445.500.000 đồng
- Tổng vốn góp sau khi góp thêm vốn: 29.445.500.000 đồng

- **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na**

Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) đang hoàn tất thủ tục giải thể.

Tình hình đầu tư dự án

Đơn vị: đồng

Tên dự án	Vốn đầu tư	Tổng diện tích mặt bằng	Tổng diện tích kho
Trung tâm Logistics Thăng Long	280.000.000.000	30.000 m ²	17.100 m ²



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	736.057	744.914	1,20%
Doanh thu thuần	1.881.123	1.667.472	-11,36%
Lợi nhuận từ HĐKD	53.104	36.432	-31,39%
Lợi nhuận khác	765	3.032	296,18%
Lợi nhuận trước thuế	53.869	39.464	-26,74%
Lợi nhuận sau thuế	44.213	33.710	-23,76%



Các chỉ số tài chính

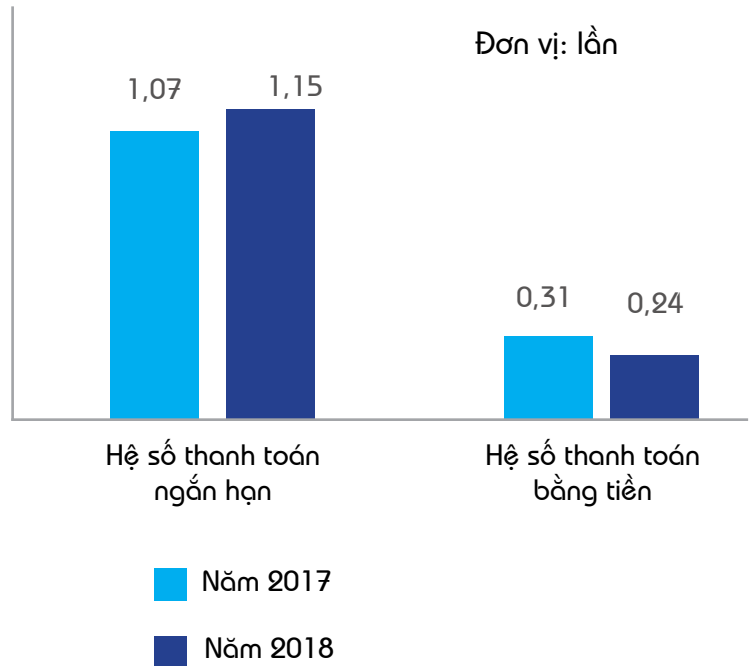
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,15
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	0,31	0,24
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,64	54,33
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	182,79	118,95
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu khách hàng	Vòng	9,60	8,64
Vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Vòng	10,11	8,02
Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	3,01	2,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,35	2,02
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,82	11,23
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,07	4,55
Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,82	2,18

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 7,48% và thanh toán hiện hành giảm 22% so với năm 2017.

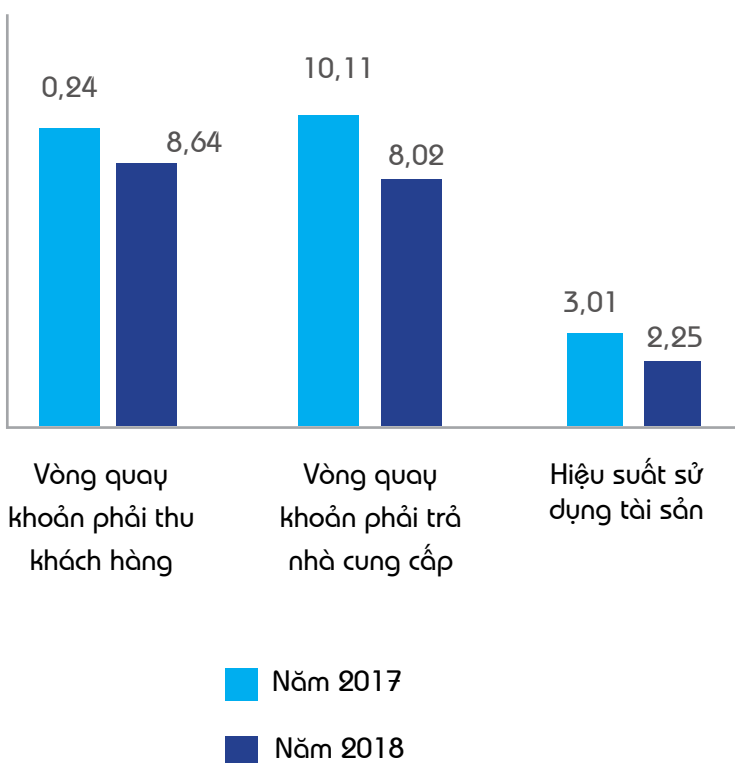
Đi vào cơ cấu, hệ số này thay đổi do cấu thành chủ yếu từ mức giảm của Tiền và các khoản tương đương tiền và Phải trả người bán ngắn hạn. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm do thanh toán cho các bên cung ứng dịch vụ vận chuyển, làm giảm khoản phải trả người bán ngắn hạn.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: vòng



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

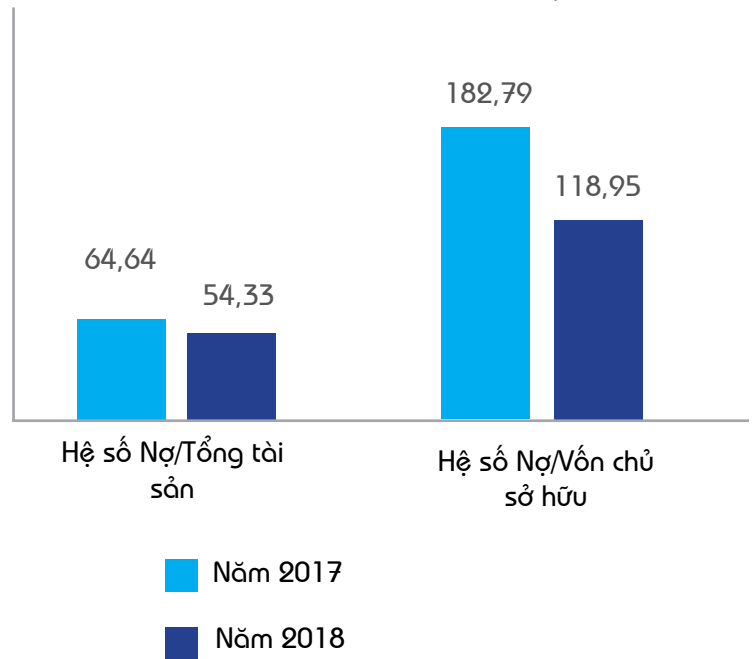
Các chỉ tiêu năng lực hoạt động đều giảm so với năm 2017 do xu hướng chung của ngành logistics. Ngành logistics trong năm không khả quan do cạnh tranh gay gắt – số lượng các doanh nghiệp nước ngoài gia nhập ngành tăng do sự ổn định của tình hình kinh tế vĩ mô. Diễn biến chung của ngành đã gây sức ép lên doanh thu của các công ty trong đó có Vinafreight.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số cơ cấu vốn của Công ty giảm nhẹ so với năm 2017 và lần lượt đạt 54,33% và 118,95%. Các khoản nợ của Công ty tập trung chủ yếu là các khoản phải trả người bán ngắn hạn. Năm 2018, Công ty đã thanh toán hơn 41,9 tỷ đồng cho các hãng hàng không, làm giảm khoản phải trả người bán ngắn hạn và không có nợ quá hạn.

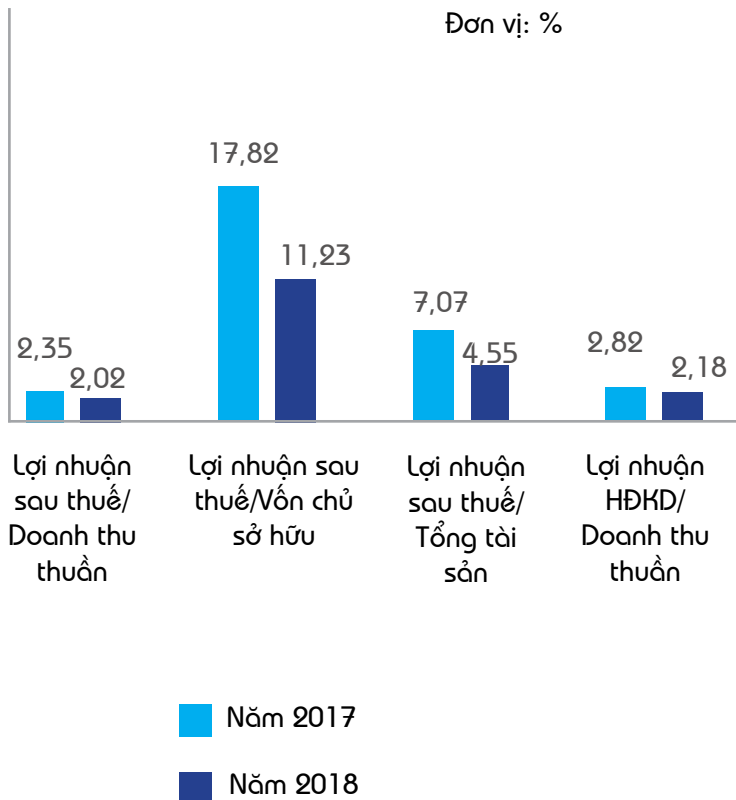
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đơn vị: %



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Đơn vị: %



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm 2017. Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt 11,36% và 23,76%. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tính về quy mô và số lượng phương tiện vận chuyển sẵn có, các công ty nước ngoài đều có ưu thế hơn, chi phí vận chuyển cũng linh hoạt hơn, gây khó khăn cho các công ty trong nước.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.392.250 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần thường
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 8.376.750 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 15.500 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

TT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-
II	Cổ đông nội bộ		
III	Cổ đông trong nước	8.038.900	95,97%
	Cá nhân	1.237.495	14,75%
	Tổ chức	6.801.405	81,04%
IV	Cổ đông nước ngoài	337.850	4,03%
	Cá nhân	14.760	0,18%
	Tổ chức	323.090	3,85%
V	Cổ phiếu quỹ	15.500	
Tổng cộng		8.392.250	100%



95,97%



3,85%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Luôn nhận thức được tầm quan trọng của môi trường, Công ty luôn giữ gìn môi trường trong khuôn viên làm việc, các phương tiện vận tải luôn được dọn dẹp định kỳ. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động kinh doanh

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Yếu tố con người đã luôn đóng vai trò trọng tâm trong sự phát triển của Công ty. Hiểu rõ điều này, Công ty đã thực hiện các hoạt động sau:

- Đối với khách hàng: luôn tạo ra không khí thoải mái, thái độ phục vụ hòa nhã, đáp ứng nhu cầu của khách hàng về chất lượng của các dịch vụ hoạt động.
- Đối với người lao động: Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và hướng tới hoạt động vì cộng đồng.
- Đối với cộng đồng trong xã hội: tích cực tham gia các chương trình từ thiện, hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho người nghèo.

Chính sách liên quan đến người lao động

Tính đến năm 2018, Công ty có tổng cộng 297 cán bộ công nhân viên với thu nhập trung bình là 13 triệu đồng. Ngoài các chính sách lương, thưởng, người lao động còn được hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật như: BHYT, BHXH và BHTN nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động. Các công tác kiểm tra sức khỏe cũng được Công ty tổ chức định kỳ bởi Vinafreight hiểu rõ "Con người là tài sản vốn quý" của xã hội, là yếu tố phát triển bền vững của Công ty.

Mặt khác, Công ty triển khai các chính sách đào tạo hàng năm để nâng cao kiến thức, tay nghề của người lao động, từ đó gia tăng năng suất lao động của nhân viên. Tùy thuộc vào từng vị trí làm việc, người lao động được đào tạo nghiệp vụ khác nhau, cụ thể:

- Đối với cán bộ lãnh đạo: xác định tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ quản lý, Công ty đã kết hợp với các trung tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên môn về quản trị nhằm nâng cao và chuẩn hóa trình độ cán bộ quản lý các cấp.
- Đối với bộ phận chăm sóc khách hàng: nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, các lớp bồi dưỡng về các kỹ năng chăm sóc khách hàng được thường xuyên tổ chức và kết hợp giải quyết những tình huống thực tế.
- Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty tạo điều kiện để người lao động tham gia các lớp tập huấn, đào tạo chuyên sâu phù hợp với ngành nghề chuyên môn và yêu cầu công việc.
- Đối với lao động trực tiếp: các lớp bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ được Công ty thường xuyên tổ chức để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng của Công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





47

48

46

HES

25

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế năm 2018

- Năm 2018, tình hình căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới.
- Các chính sách bảo hộ thương mại triển khai tại nhiều quốc gia, gây khó khăn cho ngành xuất nhập khẩu.
- FED tăng lãi suất, làm tỷ giá USD/VND tăng mạnh.
- Giá dầu tăng do OPEC thắt chặt nguồn cung.
- Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng từ năm 2017, phát triển vượt bậc, chỉ số GDP năm 2018 đạt 7,08% cao hơn mục tiêu đề ra của Chính phủ từ đầu năm.
- Các Hiệp định thương mại quốc tế có hiệu lực như CPTPP, FTAs đã làm cầu nối cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam phát triển, mở rộng thị trường. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 12,2% và tổng kim ngạch nhập khẩu tăng 11,1% so với năm 2017
- Vốn FDI năm 2018 đạt 434,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 9,6% so với năm 2017.

Những điểm chính trong hoạt động kinh doanh của công ty

- Cạnh tranh gay gắt trong ngành logistics do dự gia nhập từ các công ty có vốn đầu tư nước ngoài đã gây khó khăn cho tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể: doanh thu đạt 86,52% và lợi nhuận sau thuế đạt 69,24% so với kế hoạch đề ra.
- Trong năm, Công ty đã khánh thành Trung tâm Logistics Thăng Long tại Hưng Yên tăng năng suất hoạt động, đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng

Những biện pháp đã thực hiện

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ giao cho năm 2018, công ty đã có nhiều nỗ lực nhằm ổn định và phát triển kinh doanh:

- Duy trì ổn định các nhân sự chủ chốt để bảo đảm hoạt động kinh doanh của công ty. Năm 2018, tình hình nhân sự công ty tương đối ổn định, những thay đổi đều ở vị trí cấp thấp nên không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của công ty.
- Tìm kiếm và đặt quan hệ hợp tác với các đại lý thật sự mạnh thông qua các hội nghị thường niên của các hệ thống logistics toàn cầu mà công ty là hội viên.
- Nỗ lực tập trung thể mạnh vào các hoạt động dịch vụ khai quan nội địa & các giá trị cộng thêm.
- Giữ vững mối quan hệ với các khách hàng dự án lớn để duy trì lợi nhuận.
- Tăng cường giám sát hoạt động và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các công ty con trong điều kiện cạnh tranh mạnh và nhiều biến động trên thị trường.
- Giảm thiểu chi phí, tăng cường quản lý rủi ro.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

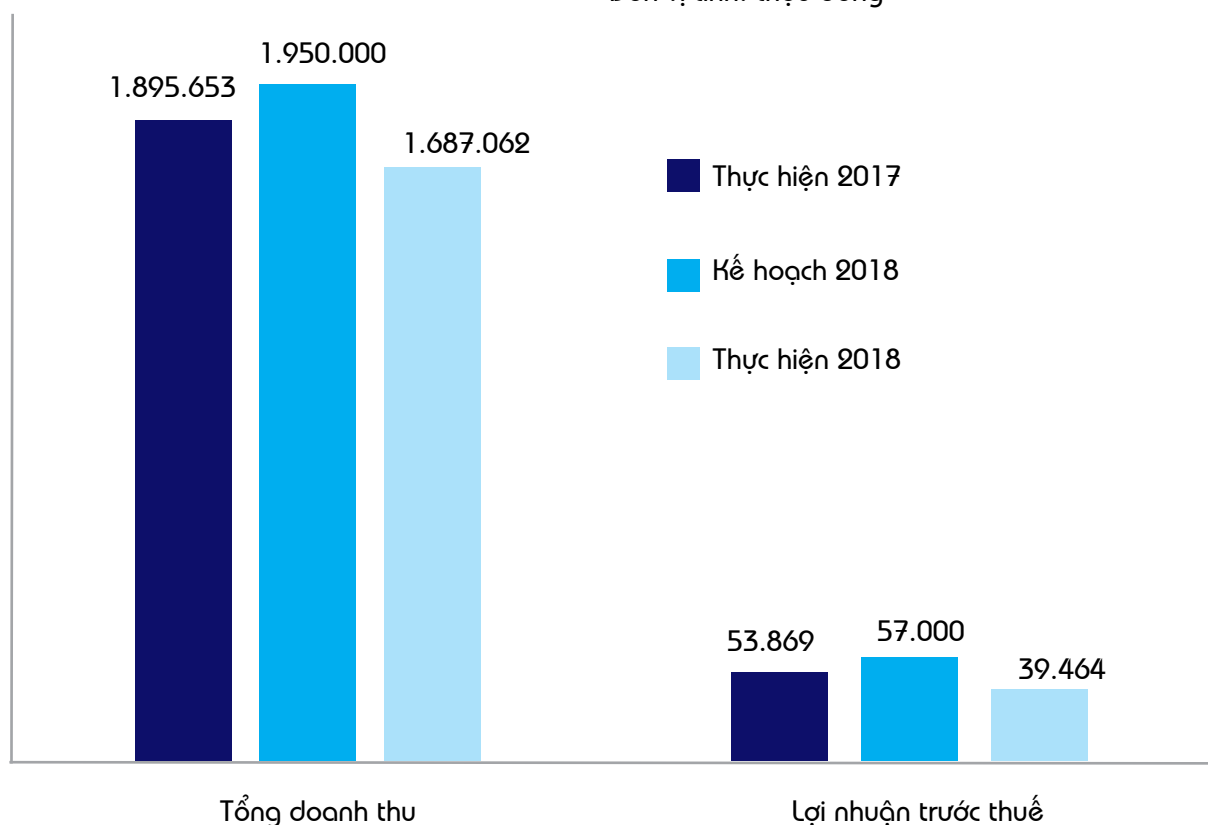
Tình hình thực hiện kế hoạch 2018 và kết quả SXKD trong năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Tổng doanh thu	1.895.653	1.950.000	1.687.062	86.52%	89.00%
Lợi nhuận trước thuế	53.869	57.000	39.464	69.24%	73.26%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15%	10 -15%			

KẾT QUẢ SXKD

Đơn vị tính: triệu đồng



Các hoạt động khác

- Đầu tư thêm vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thành Long
- Mua thêm cổ phiếu của Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Tiếp tục duy trì, đảm bảo công quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015
- Duy trì và phát triển môi trường xanh – sạch – đẹp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

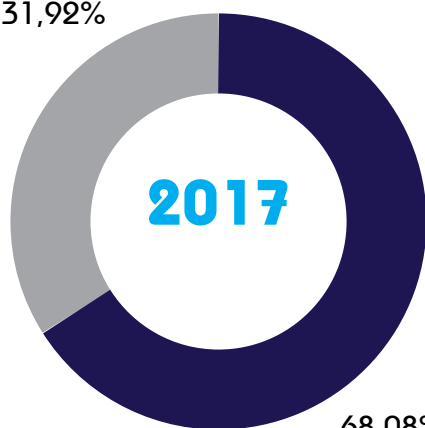
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/giảm	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018
Tài sản ngắn hạn	501.136	458.381	-8,53%	68,08%	61,53%
Tài sản dài hạn	234.921	286.533	21,97%	31,92%	38,47%
Tổng tài sản	736.057	744.914	1,20%	100%	100%

Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao, trên 60%. Năm 2018, tỷ lệ này có sự sụt giảm so với các năm trước vì giảm khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng.

Tài sản dài hạn tăng do Công ty đầu tư, góp vốn thêm vào các Công ty liên kết. Năm 2018, Trung tâm Logistics Thăng Long tại Hưng Yên khánh thành, góp phần trong việc tăng hiệu quả đầu tư của Công ty trong tương lai.

CƠ CẤU TÀI SẢN

31,92%

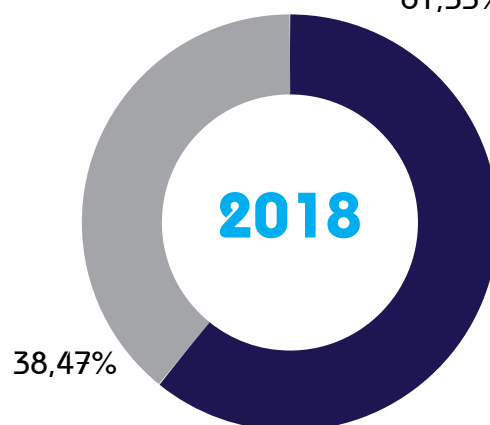


68,08%

■ Tài sản ngắn hạn

■ Tài sản dài hạn

61,53%



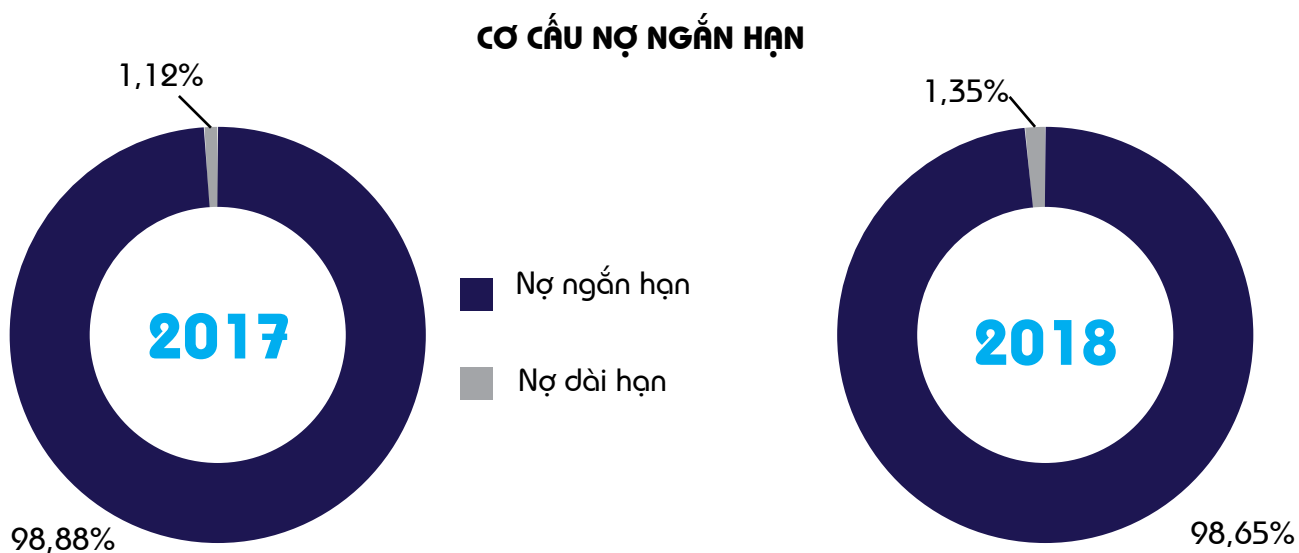
38,47%



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/giảm	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018
Nợ ngắn hạn	470.447	399.234	-15,14%	98,88%	98,65%
Nợ dài hạn	5.327	5.461	2,52%	1,12%	1,35%
Nợ phải trả	475.775	404.695	-14,94%	100%	100%

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là nợ ngắn hạn, hơn 98% tổng nợ phải trả. Năm 2018, Nợ ngắn hạn có sự sụt giảm mạnh, khoảng 15,14% do Công ty thanh toán các khoản chi phí cho các hãng hàng không đối tác. Công ty tận dụng tốt các khoản vay ngắn hạn cho các hoạt động kinh doanh và đảm bảo thanh toán đúng hạn với các khoản nợ, góp phần tạo uy tín đối với đối tác.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu, biện pháp thực hiện cho kế hoạch kinh doanh năm 2019

- Tiếp tục ổn định các hoạt động dịch vụ.
- Chú trọng củng cố hoạt động logistics nội địa, phát triển dịch vụ lưu kho và phân phối hàng hóa cho khách hàng, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ.
- Ổn định và khai thác có hiệu quả thế mạnh của các đối tác trong nhà.
- Giữ vững mối quan hệ tốt với các khách hàng đại lý lớn với nguồn hàng ổn định, thực hiện cân đối việc đổi lưu hàng hóa.
- Giảm thiểu mọi chi phí
- Có chính sách tín dụng hợp lý với các khách hàng lớn và khách hàng toàn cầu nhằm mục đích vừa giữ khách vừa bảo đảm thu đủ thu đúng công nợ.
- Giảm thiểu tình trạng nợ xấu khó đòi.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh Hà Nội – Hải Phòng và đại lý Pan Con.
- Hoàn thành việc ký hợp đồng thuê đất cho các khu vực kho ở quận 7
- Tiếp tục giữ vững hoạt động kinh doanh GSA của công ty Vector và công ty Vietway trong điều kiện có nhiều biến động trên thị trường GSA, tạo mọi điều kiện cho các công ty này duy trì và tăng trưởng sản lượng, tiếp cận những hãng hàng không tốt để mở rộng khả năng làm GSA, thắt chặt thêm quan hệ với CAAV (Cục HKDD Việt Nam) và các cơ quan hữu quan tại các cảng hàng không, giữ vững và phát triển quan hệ đại lý hàng hóa đối với các hãng hàng không.

Hoạt động đầu tư:

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư cảng MIPEC tại Hải Phòng



Dự kiến kế hoạch kinh doanh dài hạn năm 2019 – 2021

- Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới
 - Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu từ Campuchia và Lào qua cảng Việt Nam đi các nước bằng đường biển, hàng không và ngược lại.
 - Xây dựng thương hiệu VINAFREIGHT ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh cả trong và ngoài nước.
 - Trong định hướng phát triển chung, VINAFREIGHT hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của VINAFREIGHT luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng
- (*) Công ty không đặt mục tiêu cụ thể trong năm 2019 bởi các nguyên nhân sau:
- Cạnh tranh gay gắt, nhất là sự cạnh tranh đến từ các doanh nghiệp Logistics nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam.
 - Nhân sự bán hàng thường xuyên biến động, gây ảnh hưởng đến danh sách khách hàng.
 - Có sự biến động của một số khách hàng lớn đa quốc gia do xu hướng đầu thầu toàn cầu
 - Các Công ty con như Vector và Vietway gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh do nhiều thay đổi về chính sách của các hãng hàng không mà 2 công ty này là tổng đại lý hàng hóa.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



Kinh tế phát triển bền vững phải đi song hành với việc cân bằng các giá trị môi trường – xã hội, “phát triển bền vững” là mục tiêu quan trọng trong hoạt động của Công ty. Theo đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ như Công ty tham gia hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương khi có sự vận động của chính quyền địa phương. Đồng thời cũng đóng góp ủng hộ cho các chương trình từ thiện – xã hội của địa phương, Trung Ương; tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động của Công đoàn khối Doanh Nghiệp Thương Mại Trung Ương tại TP.HCM; thường xuyên tổ chức hiến máu nhân đạo, bữa cơm từ thiện tại các bệnh viện, đi thăm và phát quà trung thu, quà tết cho các trẻ em nghèo của một số địa phương

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, Công ty không sử dụng bất kỳ nguyên vật liệu. Những container, gỗ chèn và bao bì ni lông sử dụng trong quá trình vận chuyển, lưu kho đều có thể tái chế được. Ngoài ra, các cán bộ nhân viên được nâng cao ý thức trong việc giữ gìn môi trường tại nơi làm việc, các rác thải sinh hoạt được thu dọn định kỳ.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng, quan tâm đến nhân viên của mình. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước quy định có liên quan đến người lao động về lương, thưởng và thời gian làm việc. Ngoài ra, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề của các cán bộ công nhân viên, Công ty đã tổ chức các buổi đào tạo chuyên sâu. Sức khỏe cũng là yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động, Công ty tổ chức các chương trình khám sức khỏe, phổ biến quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, .. nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên.





**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Bối cảnh chung

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây phát triển tích cực, GDP tăng trưởng từ 6 – 7%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước năm 2018 ước tính đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% so với năm trước. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta trong những năm gần đây liên tục tăng trên 10% và nhiều khả năng sẽ tăng từ 9-10% trong năm 2019.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 1.676.896.163.957 đồng (đạt 85.95 % kế hoạch)
- Lợi nhuận trước thuế: 39.464.115.845 đồng (đạt 69.24% kế hoạch)



Kết quả đạt được

- Bên cạnh một số biến động nhỏ về nhân sự bán hàng ở cấp thấp, nhìn chung tập thể người lao động trong công ty có tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với công ty, siêng năng tận tụy với công việc, hoàn thành tốt công việc được giao với đầy đủ lương tâm chức nghiệp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn luôn tâm huyết và chú trọng đầu tư chuyên sâu cho trọng trách được giao, thể hiện được vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành;
- Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của VLA, của chính quyền sở tại, của các tổ chức tài chính tín dụng và của các đối tác kinh doanh trong và ngoài nước.

Những mặt hạn chế

- Lực lượng nhân viên bán hàng thường xuyên biến động do nhiều lý do khác nhau, mặc dù đã được bổ sung liên tục nhưng vẫn còn thiếu. Đây là tình hình chung về nhân sự bán hàng trong những năm gần đây khi luôn có sự dịch chuyển của loại hình nhân sự này từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác.
- Các nhân sự chủ chốt vững về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm về quản lý điều hành, nhất là khi thị trường có những biến động nhất định.
- Đội ngũ bán hàng chỉ chuyên tâm khai thác & phát triển kinh doanh mà ít chú ý về quản lý rủi ro và công nợ.

Phương hướng hoạt động năm 2019

- Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách khẩn trương và trung thực, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao để đảm bảo cho sự phát triển của Công ty cũng như đảm bảo quyền lợi của tất cả các cổ đông và nhà đầu tư; cụ thể như sau:
- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Tiếp tục ổn định việc quản trị đối với các công ty con trong hệ thống công ty để đảm bảo sự thống nhất chung trong công tác quản trị Công ty;
- Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, kịp thời định hướng và điều chỉnh hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



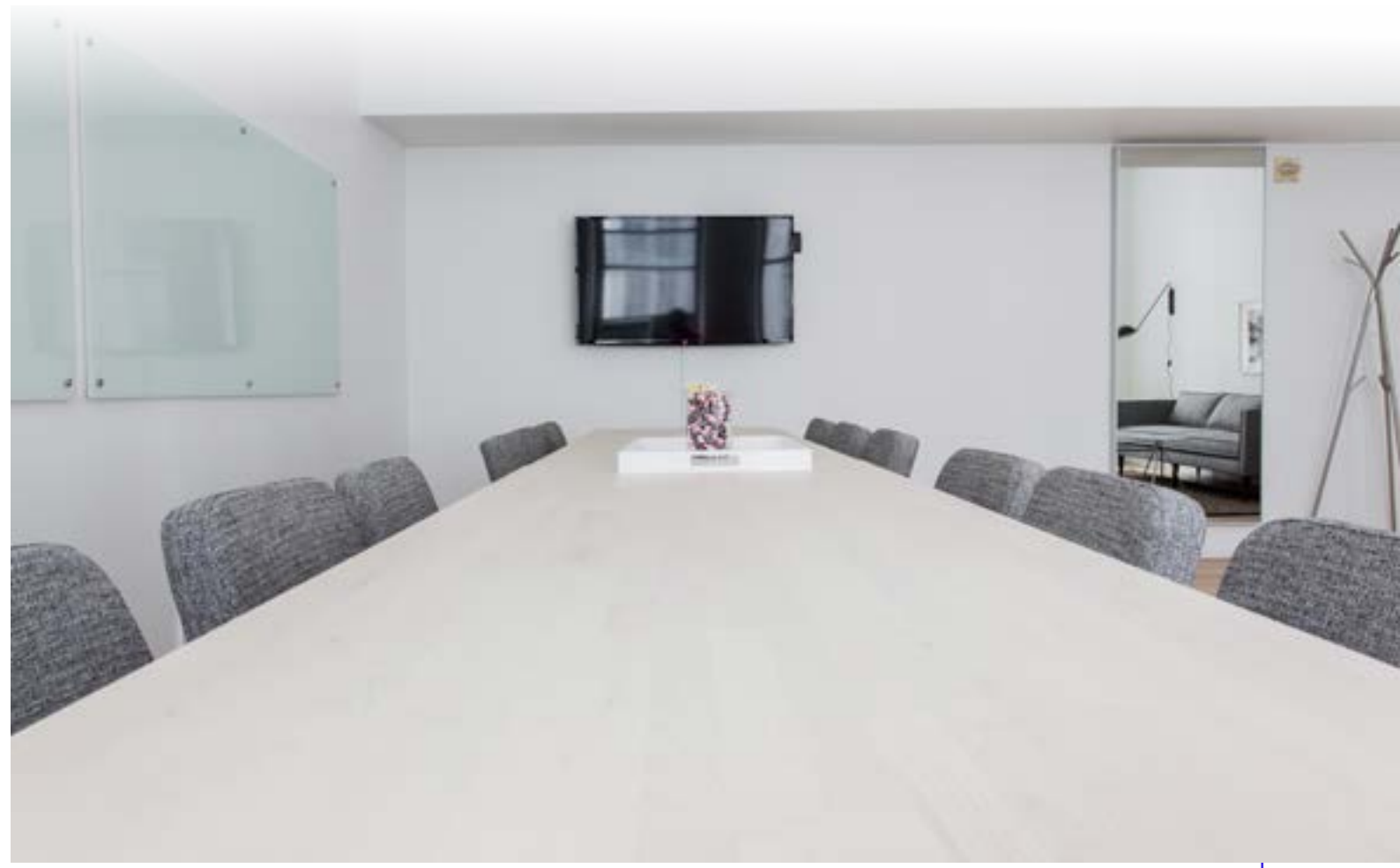
**QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch		1,43%
2	Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch		
3	Chu Việt Cường	Thành viên		
4	Lê Duy Hiệp	Thành viên		
5	Trương Minh Long	Thành viên		
6	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên		0,006%
7	Tôn Thất Hưng	Thành viên		

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : không có



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức các lần họp trực tiếp và gián tiếp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	21.04.2017	04	100%	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	21.04.2017	04	100%	
3	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	21.04.2017	04	100%	
4	Ông Chu Việt Cường	Thành viên	21.04.2017	03	75%	Bận công tác, có ủy quyền cho ông Lâm họp thay
5	Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	21.04.2017	04	100%	
6	Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	21.04.2017	04	100%	
7	Ông Trương Minh Long	Thành viên	21.04.2017	04	100%	



Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Năm 2018 Hội đồng quản trị đã triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 như sau:

Định hướng giám sát kinh doanh:

Định hướng kinh doanh, điều chỉnh một cách thích hợp các lĩnh vực hoạt động của công ty phù hợp với tình hình thị trường, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đạt chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2018, công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành thông qua các hoạt động sau:

- Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các báo cáo của Ban giám đốc. Thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
- Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành.
- Tìm hiểu và nghiên cứu về việc mở rộng đầu tư.

Ngoài ra HĐQT đưa ra các định hướng, chủ trương và xây dựng kế hoạch đầu tư kinh doanh dài hạn để tạo thương hiệu trên thị trường và tăng lợi nhuận trong tương lai.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-18/NQ-HĐQT	02.03.2018	- Thông qua thời gian chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018
2	02-18/NQ-HĐQT	21.03.2018	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng VCB HCM
3	03-18/NQ-HĐQT	29.03.2018	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng
4	04-18/NQ-HĐQT	16.05.2018	Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2018 cho cổ đông hiện hữu
5	05-18/NQ-HĐQT	25.06.2018	Điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2018 cho cổ đông hiện hữu
6	06-18/NQ-HĐQT	05.09.2018	Thông qua nội dung chi cổ tức đợt 2 /2017
7	07-18/NQ-HĐQT	18.09.2018	Ngày ĐKCC để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành
8	08-18/NQ-HĐQT	26.11.2018	Xử lý cổ phiếu không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
9	09-18/NQ-HĐQT	28.11.2018	Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu VNT
10	10-18/NQ-HĐQT	21.12.2018	Thay đổi điều lệ công ty sau đợt phát hành tăng vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phan Phương Tuyền	Thành viên	0,015%
2	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	0.00%
3	Lê Văn Hùng	Trưởng ban	0.00%

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- rà soát báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và cho ý kiến và chọn đơn vị kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2018 cho Công ty.
- Kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp để kiểm soát tốt chi phí và tuân thủ sát các quy định mới ban hành của Bộ tài chính.



Số lượng cuộc họp trong năm của ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS	Số buổi tham dự họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Văn Hùng	Trưởng BKS	21.04.2017	02	100%
2	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	21.04.2017	02	100%
3	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	21.04.2017	02	100%

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, ban TGD và các cán bộ quản lý khác

- Đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:
- Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát để đẩy mạnh việc giám sát thực hiện kết quả kinh doanh, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2018.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS

Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch
Công ty CP Transimex Saigon	Bùi Tuấn Ngọc - Phó Chủ tịch HĐQT	2.881.120	Mua	1.593.775	4.474.895
Công ty CP Quản lý BĐS Cosani	Cổ đông nội bộ	0	Mua	733.500	733.500
Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	Cổ đông nội bộ	286.000	Bán	286.000	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	Cổ đông nội bộ	286.000	Bán	286.000	-

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

- Tổng tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt: 1.274.400.000 đồng
- Thù lao Hội đồng quản trị, BKS: 1.200.000.000 đồng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VINA FREIGHT**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 44
8. Phụ lục	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xi nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sứ Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sứ Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 06 tháng 7 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 6 năm 2008 về việc chi tiết danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 21 tháng 6 năm 2013 về bổ sung thông tin về Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2013 về thay đổi địa chỉ của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy ngày 19 tháng 5 năm 2014 về việc đổi tên Công ty.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tám ngày 14 tháng 7 năm 2014 về bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi tên của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 38 446 409
- Fax : (028) 38 447 813
- Website : www.vinafreight.com

Các đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Tầng 5, số 25, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS);
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Trương Minh Long	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 6 năm 2008
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bích Lân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số: 1.0639/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Hữu Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Lê Thị Thu Hiền - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0095-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458.381.122.599	501.136.438.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	97.202.519.785	145.427.597.417
1. Tiền	111		82.122.519.785	116.385.597.417
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.080.000.000	29.042.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.842.000.000	14.559.770.274
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	35.842.000.000	14.559.770.274
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321.669.989.344	337.610.087.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	176.929.936.006	208.967.088.899
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		565.406.606	1.387.870.006
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	152.841.046.797	140.046.508.525
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.666.400.065)	(12.791.379.468)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.666.613.470	3.538.983.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	482.401.273	432.849.816
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.184.212.197	3.106.133.249
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		286.533.058.526	234.920.806.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.057.078.156	5.958.344.920
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	8.057.078.156	5.958.344.920
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.649.295.313	4.308.333.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.124.460.656	3.507.285.148
- Nguyên giá	222		13.798.494.753	13.558.930.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.674.034.097)	(10.051.644.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	524.834.657	801.048.005
- Nguyên giá	228		2.639.072.679	2.639.072.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.114.238.022)	(1.838.024.674)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		274.443.696.626	223.640.992.968
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	260.903.261.299	206.100.557.641
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.540.435.327	11.540.435.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.000.000.000	6.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		382.988.431	1.013.135.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	382.988.431	1.013.135.660
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		744.914.181.125	736.057.245.419

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		404.694.699.727	475.774.535.874
I. Nợ ngắn hạn	310		399.233.538.920	470.447.705.027
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	179.807.771.182	221.444.181.266
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.637.683.106	1.003.115.089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	9.013.425.692	3.672.757.526
4. Phải trả người lao động	314	V.11	9.086.074.831	12.664.284.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.554.389.683	5.987.849.388
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	115.715.932.001	139.443.919.806
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	67.462.112.478	76.127.898.776
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	11.956.149.947	10.103.698.996
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.461.160.807	5.326.830.847
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	5.461.160.807	5.326.830.847
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340.219.481.398	260.282.709.545
I. Vốn chủ sở hữu	410		340.219.481.398	260.282.709.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	83.922.500.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.922.500.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	30.199.350.000	2.402.850.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.925.977.872	7.925.977.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	210.728.385.314	187.865.372.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		178.258.300.870	187.865.372.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		32.470.084.444	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.16	6.598.268.212	6.243.508.772
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		744.914.181.125	736.057.245.419




TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019


 Nguyễn Trịnh Phương Thảo
 Người lập


 Lê Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Bích Lân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.676.896.163.957	1.886.381.886.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	9.423.741.025	5.258.015.483
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.667.472.422.932	1.881.123.870.535
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	1.608.769.876.514	1.806.305.168.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.702.546.418	74.818.701.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	16.505.262.383	13.571.701.088
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	7.974.485.990	4.931.159.096
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.245.614.420	3.658.416.844
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	7.811.557.613	10.486.120.470
9. Chi phí bán hàng	25	VL.6	16.763.750.413	16.530.885.940
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	21.848.911.846	24.310.462.990
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.432.218.165	53.104.015.230
12. Thu nhập khác	31	VL.8	3.084.685.396	956.500.046
13. Chi phí khác	32	VL.9	52.787.716	191.210.835
14. Lợi nhuận khác	40		3.031.897.680	765.289.211
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.464.115.845	53.869.304.441
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	5.754.391.961	9.656.410.731
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.709.723.884</u>	<u>44.212.893.710</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>32.470.084.444</u>	<u>41.411.485.033</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.239.639.440</u>	<u>2.801.408.677</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	<u>4.851</u>	<u>6.269</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	<u>4.851</u>	<u>6.269</u>


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.464.115.845	53.869.304.441
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	1.150.739.658	1.196.406.189
- Các khoản dự phòng	03	V.5	237.559.305	1.668.828.524
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(690.026.061)	(111.446.156)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4	(18.453.874.427)	(20.874.523.403)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.245.614.420	3.658.416.844
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.954.128.740	39.406.986.439
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.937.943.350	(53.588.829.709)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.952.804.099)	138.855.297.459
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		580.595.772	626.438.705
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.245.614.420)	(3.658.416.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(4.244.387.933)	(12.450.714.676)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(4.566.349.049)	(3.058.415.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.463.512.361	106.132.346.300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(491.701.818)	(1.000.227.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		81.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.444.926.730)	(24.730.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		46.162.697.004	51.164.229.726
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(107.417.248.076)	(110.647.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.536.810.792	52.909.774.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(111.572.550.646)	(32.303.323.186)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		55.719.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14a	736.356.174.614	784.304.189.224
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14a	(745.021.960.912)	(783.175.458.522)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13a, 16	(3.484.578.750)	(14.660.537.222)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>43.568.634.952</u>	<u>(13.531.806.520)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(48.540.403.333)	60.297.216.594
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	145.427.597.417	85.193.785.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		315.325.701	(63.404.546)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>97.202.519.785</u>	<u>145.427.597.417</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019


 Nguyễn Trish Phương Thảo
 Người lập


 Lê Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bích Lân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) ⁽¹⁾	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.	90,00%	90,00%	94,90%	94,90%
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

⁽¹⁾ Công ty nắm giữ 45,90% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) và 49,00% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	27,89%	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) ⁽ⁱ⁾	Số 2 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	24,78%	23,06%	24,78%	23,06%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Thôn Bưởi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ logistics	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	bán đảo Đỉnh Vũ, thuộc Khu kinh tế Đỉnh Vũ - Cát Hải, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) ⁽ⁱⁱ⁾	18 Đặng Thị Nhu phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

(i) Trong năm, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) đã phát hành bổ sung 426.115 cổ phiếu để bán cho cán bộ công nhân viên và phát hành bổ sung 2.937.600 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Tập đoàn đã mua bổ sung 981.500 cổ phiếu VNT Logistics Jsc để tăng số lượng cổ phiếu sở hữu tại Công ty này lên thành 2.961.500 cổ phiếu, tương đương 24,78% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.980.000 cổ phiếu, tương đương 23,06% vốn điều lệ).

(ii) Công ty này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý để giải thể.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 309 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 305 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá xấp xỉ, cụ thể là tỷ giá 22.600 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh từ tháng 1 đến tháng 6 và tỷ giá 23.200 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh từ tháng 7 đến tháng 12. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với doanh thu/nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với chi phí/nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.266.424.748	2.050.958.564
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.856.095.037	114.334.638.853
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	15.080.000.000	29.042.000.000
Cộng	<u>97.202.519.785</u>	<u>145.427.597.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng) ⁽ⁱ⁾	35.842.000.000	35.842.000.000	14.559.770.274	14.559.770.274
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	37.842.000.000	37.842.000.000	20.559.770.274	20.559.770.274

⁽ⁱ⁾ Trong đó:

- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền 0 VND (số đầu năm là 7.844.770.274 VND) đã được cầm cố để đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không.
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trị giá là 21.800.000.000 VND (số đầu năm là 0 VND) đã được cầm cố để đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không và đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản đầu tư mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành bao gồm:

- Khoản đầu tư mua 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 25 tháng 11 năm 2016, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành đến ngày 25 tháng 11 năm 2026. Lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi và được xác định mỗi kỳ tính lãi theo công thức: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1% (một phần trăm)/năm. Lãi phát sinh trên gốc trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong thời hạn trái phiếu. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn.
- Khoản đầu tư mua 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 28 tháng 11 năm 2018, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, thời hạn 6 năm kể từ ngày phát hành đến ngày 28 tháng 11 năm 2024. Lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi và được xác định mỗi kỳ tính lãi theo công thức: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 0,7% (không phải bảy phần trăm)/năm. Lãi phát sinh trên gốc trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong thời hạn trái phiếu. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	4.186.515.198	8.578.515.198	4.392.000.000	3.641.578.554	8.033.578.554
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) ⁽ⁱ⁾	43.377.248.076	21.757.392.886	65.134.640.962	13.200.000.000	17.661.479.087	30.861.479.087
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	29.445.500.000	(11.853.851)	29.433.646.149	9.445.500.000	-	9.445.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Mĩpec	157.760.000.000	(3.541.010)	157.756.458.990	157.760.000.000	-	157.760.000.000
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vì Na (Expo Vì Na)	624.000.000	(624.000.000)	-	624.000.000	(624.000.000)	-
Cộng	235.598.748.076	25.304.513.223	260.903.261.299	185.421.500.000	20.679.057.641	206.100.557.641

(i) Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) đã phát hành bổ sung 426.115 cổ phiếu để bán cho cán bộ công nhân viên và phát hành bổ sung 2.937.600 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Tập đoàn đã mua bổ sung 981.500 cổ phiếu VNT Logistics Jsc để tăng số lượng cổ phiếu sở hữu tại Công ty này lên thành 2.961.500 cổ phiếu, tương đương 24,78% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.980.000 cổ phiếu, tương đương 23,06% vốn điều lệ).

(ii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên thành 100.000.000.000 VND, và Tập đoàn đã góp thêm 20.000.000.000 VND để duy trì tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long là 25,00% vốn điều lệ (tỷ lệ góp vốn đầu năm là 25,00% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Góp vốn trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	8.033.578.554	1.054.269.355	(439.200.000)	-	(70.132.711)	8.578.515.198
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	30.861.479.087	6.772.683.119	(2.970.000.000)	30.177.248.076	293.230.680	65.134.640.962
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	9.445.500.000	(11.853.851)	-	20.000.000.000	-	29.433.646.149
Công ty Cổ phần Cảng Mĩpec	157.760.000.000	(3.541.010)	-	-	-	157.756.458.990
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vì Na (Expo Vì Na)	-	-	-	-	-	-
Cộng	206.100.557.641	7.811.557.613	(3.409.200.000)	50.177.248.076	223.097.969	260.903.261.299

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng Mĩpec hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long vừa mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2018, Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) đang hoàn tất thủ tục giải thể. Các công ty liên kết khác vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		
Thu phí dịch vụ chứng từ	5.142.250	45.548.092
Thu phí cước vận tải quốc tế	137.525.519	130.799.057
Phí giao nhận, xếp dỡ phải trả	180.742.964	200.048.922
Chia cổ tức	16.500.000	66.000.000
Nhận lãi góp vốn được chia	439.200.000	439.200.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)		
Thu phí dịch vụ	415.453.028	639.463.711
Phí dịch vụ vận tải phải trả	5.366.746.576	123.164.538
Chia cổ tức	87.500.000	350.000.000
Nhận lãi góp vốn được chia	2.970.000.000	1.980.000.000
Cho vay	-	6.000.000.000
Thu lãi cho vay	-	232.168.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	4.246.950.000	-	4.246.950.000	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck)	726.150.000	-	726.150.000	-	-	-
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	-	4.917.335.327	-	-	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink)	1.650.000.000	-	1.885.884.000	1.650.000.000	-	2.369.444.000
Cộng	<u>11.540.435.327</u>	<u>-</u>	<u>11.540.435.327</u>	<u>11.540.435.327</u>	<u>-</u>	<u>2.369.444.000</u>

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.252.057.316</i>	<i>1.921.357.087</i>
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	1.237.980.319	1.237.980.319
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	-	15.675.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	-	66.054.157
Công ty Cổ phần Transimex	4.104.463	57.275.316
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	9.972.534	544.372.295
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>175.677.878.690</i>	<i>207.045.731.812</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL Việt Nam	4.134.923.759	22.731.705.998
Công ty TNHH Expeditors Việt Nam	6.034.196.956	11.852.356.628
Công ty TNHH Agility	49.009.962.769	33.223.760.718
Các khách hàng khác	116.498.795.206	139.237.908.468
Cộng	<u>176.929.936.006</u>	<u>208.967.088.899</u>

Trong đó, các khoản phải thu khách hàng trị giá tương đương 1,200,000 USD đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng cầm cố số VNM CDT 090950/MR.

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck) – phải thu tiền lợi nhuận được chia	-	-	56.175.000	-
Tiền lãi dự thu	506.562.840	-	17.500.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.352.317.245	-	2.016.523.299	-
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải thu các khoản tiền chi hộ	5.902.038.880	-	8.179.666.647	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không ⁽¹⁾	83.767.170.000	-	84.138.170.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	8.929.059.250	-	7.636.723.325	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	393.025.618	(137.650.000)	509.993.526	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	45.990.872.964	(450.000.000)	33.491.756.728	-
Cộng	<u>152.841.046.797</u>	<u>(587.650.000)</u>	<u>140.046.508.525</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- g) Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 78.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và đảm bảo cho các khoản bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng này (số đầu năm là 78.000.000.000 VND) (xem thuyết minh số V.14).

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	844.000.000	-	-	-
Ký quỹ dài hạn để thuê văn phòng	6.056.195.656	-	5.843.594.920	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.156.882.500	-	114.750.000	-
Cộng	8.057.078.156	-	5.958.344.920	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		1.237.980.319	-	1.237.980.319	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) – tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	1.237.980.319	-	Trên 3 năm	1.237.980.319
Các tổ chức và cá nhân khác		10.481.664.976	3.053.245.230	15.358.781.025	3.805.381.876
	Dưới 6 tháng	2.493.701.602	2.493.701.602	Dưới 6 tháng	1.258.383.364
	Từ 6 tháng đến 1 năm	499.327.503	349.529.252	Từ 6 tháng đến 1 năm	480.335.095
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	377.274.724	188.637.362	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	658.469.219
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	71.256.713	21.377.014	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.205.173.132
	Trên 3 năm	7.040.104.434	-	Trên 3 năm	6.756.420.215
Cộng		11.719.645.295	3.053.245.230	16.596.761.344	3.805.381.876

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.791.379.468	11.122.550.944
Trích lập dự phòng bổ sung	237.559.305	1.668.828.524
Xử lý xóa sổ trong năm	(4.362.538.708)	-
Số cuối năm	8.666.400.065	12.791.379.468

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.944.754	41.750.908
Chi phí thuê văn phòng	195.685.888	179.603.032
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.770.631	211.495.876
Cộng	<u>482.401.273</u>	<u>432.849.816</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	254.968.290	551.194.277
Các chi phí trả trước dài hạn khác	128.020.141	461.941.383
Cộng	<u>382.988.431</u>	<u>1.013.135.660</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	8.308.631.805	2.617.325.171	13.558.930.126
Mua trong năm	-	491.701.818	-	491.701.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(211.348.981)	(40.788.210)	(252.137.191)
Số cuối năm	<u>2.632.973.150</u>	<u>8.588.984.642</u>	<u>2.576.536.961</u>	<u>13.798.494.753</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.632.973.150	2.389.725.883	1.908.075.370	6.930.774.403
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.632.973.150	5.252.258.340	2.166.413.488	10.051.644.978
Khấu hao trong năm	-	669.669.715	204.856.595	874.526.310
Thanh lý, nhượng bán	-	(211.348.981)	(40.788.210)	(252.137.191)
Số cuối năm	<u>2.632.973.150</u>	<u>5.710.579.074</u>	<u>2.330.481.873</u>	<u>10.674.034.097</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	3.056.373.465	450.911.683	3.507.285.148
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>2.878.405.568</u>	<u>246.055.088</u>	<u>3.124.460.656</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.639.072.679
Số cuối năm	2.639.072.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	490.800.220
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.838.024.674
Khấu hao trong năm	276.213.348
Số cuối năm	2.114.238.022
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	801.048.005
Số cuối năm	524.834.657
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	513.857.148	254.574.222
Công ty Cổ phần Transimex	60.477.724	236.033.722
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	414.600.659	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	38.778.765	18.540.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	179.293.914.034	221.189.607.044
Hãng hàng không Air Asia Berhad	-	23.411.697.541
Hãng hàng không Etihad Airways	127.139.037.931	156.946.128.250
Hãng hàng không Jet Airways (India)	11.601.219.467	6.064.576.455
Các nhà cung cấp khác	40.553.656.636	34.767.204.798
Cộng	179.807.771.182	221.444.181.266

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	548.120.707	5.515.007.454	(5.549.415.293)	513.712.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.118.978.757	5.754.391.961	(4.244.387.933)	3.628.982.785
Thuế thu nhập cá nhân	940.726.024	5.356.420.292	(5.482.886.859)	814.259.457
Tiền thuế đất	-	647.813.376	(647.813.376)	-
Các loại thuế khác	64.932.038	13.570.882.966	(9.579.344.422)	4.056.470.582
Cộng	3.672.757.526	30.844.516.049	(25.503.847.883)	9.013.425.692

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu dịch vụ lâm hàng phát sinh tại nước ngoài	Không chịu thuế
- Doanh thu cước quốc tế, vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu bán nước sinh hoạt	5%
- Doanh thu dịch vụ tiêu thụ nội địa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vinafreight	3.099.230.956	3.193.362.854
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	2.467.061.531	3.908.616.685
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway)	128.404.488	2.404.632.037
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	59.694.986	149.799.155
Cộng	5.754.391.961	9.656.410.731

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 17.460,4 m² đất đang sử dụng làm nhà kho tại Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức giá thuê theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả người lao động

Khoản trích trước tiền lương tháng 13 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lâm hàng phải trả	2.679.987.893	1.879.053.571
Tiền thưởng năng suất phải trả	710.653.698	832.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	163.748.092	3.276.795.817
Cộng	3.554.389.683	5.987.849.388

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>300.000.000</i>	<i>2.528.222.222</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam – lợi nhuận được chia từ các Công ty con	300.000.000	2.528.222.222
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>115.415.932.001</i>	<i>136.915.697.584</i>
Kinh phí công đoàn	200.044.558	144.061.589
Cổ tức phải trả	312.661.500	304.990.250
Phải trả các hãng hàng không tiền thu hộ từ bán vé máy bay và thu hộ cước vận chuyển quốc tế Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải trả các khoản tiền thu hộ	68.494.218.425	45.475.588.626
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Mĩpec	-	57.240.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.879.344.089	4.155.728.606
Cộng	<u>115.715.932.001</u>	<u>139.443.919.806</u>

13b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn cho thuê văn phòng.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay

14a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.462.112.478	76.127.898.776
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	67.462.112.478	64.767.898.776
Vay Ngân hàng TNHH MTV HBSC Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	11.360.000.000
Cộng	<u>67.462.112.478</u>	<u>76.127.898.776</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa của mỗi khoản vay là từ 02 -03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ dư tài khoản tiền gửi thuộc sở hữu của Tập đoàn tại Ngân hàng này với tỷ lệ tài sản đảm bảo: tổng số dư tài khoản tiền gửi/tổng số dư cấp tín dụng tại mọi thời điểm tối thiểu bằng 30% (xem thuyết minh số V.2a và V.4a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	76.127.898.776
Số tiền vay phát sinh trong năm	736.356.174.614
Số tiền vay đã trả trong năm	(745.021.960.912)
Số cuối năm	67.462.112.478

14b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tập đoàn	Tăng khác ⁽ⁱ⁾		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.381.831.870	4.875.920.000	184.880.000	(3.318.349.049)	11.124.282.821
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	721.867.126	1.358.000.000	-	(1.248.000.000)	831.867.126
Cộng	10.103.698.996	6.233.920.000	184.880.000	(4.566.349.049)	11.956.149.947

⁽ⁱ⁾ Tăng do trích lập từ lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Transimex	44.748.950.000	28.811.200.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	9.120.000.000	6.080.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	7.335.000.000	-
Các cổ đông khác	22.563.550.000	20.953.800.000
Cổ phiếu quỹ	155.000.000	155.000.000
Cộng	83.922.500.000	56.000.000.000

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.392.250	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.392.250	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.392.250	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.500	15.500
- Cổ phiếu phổ thông	15.500	15.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.376.750	5.584.500
- Cổ phiếu phổ thông	8.376.750	5.584.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đợt 1 bằng tiền mặt (10% mệnh giá - đã thực hiện trong năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05-17/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2017)	5.584.500.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông đợt cuối bằng tiền mặt (5% mệnh giá)	2.792.250.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	1.688.000.000
- Trích lập tại Công ty	1.072.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	616.000.000
• Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	3.372.800.000
- Trích lập tại Công ty	2.140.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	1.232.800.000
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.358.000.000

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

17a. Tài sản thuế ngoài

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	32.386.732.693	21.893.228.047
Trên 1 năm đến 5 năm	22.386.742.552	27.604.482.526
Cộng	54.773.475.245	49.497.710.573

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và tiền văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội.

17b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 1.487.236,54 USD (số đầu năm là 2.632.721,35 USD).

17c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Duy Huynh	2.545.842.574		- Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Anh Vy	732.767.395		- Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Hadaf Marine Shipping Co	469.128.141		- Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Phúc Hưng	481.841.430	481.841.430	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Không Gian	185.922.384	185.922.384	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Phòng vé Phạm Nguyễn	322.292.338	322.292.338	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Đới Cánh Việt	305.809.000	305.809.000	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
HTM GSA Group	244.920.368	244.920.368	Công ty này đã giải thể

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa số</u>
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vận Năng Hà Nội	82.894.142	82.894.142	Công ty này đã bỏ tròn
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vận Năng	470.867.448	470.867.448	Công ty này đã bỏ tròn
Các khách hàng khác	853.816.538	239.015.940	Các khách hàng này đã bỏ tròn, giải thể
Cộng	<u>6.696.101.758</u>	<u>2.333.563.050</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cước vận tải quốc tế	1.038.315.180.554	1.405.093.508.630
Doanh thu bán vé máy bay	459.404.253.819	292.639.264.746
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	149.870.673.476	158.835.099.923
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	29.306.056.108	29.814.012.719
Cộng	<u>1.676.896.163.957</u>	<u>1.886.381.886.018</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Transimex		
Thu phí cước vận tải quốc tế	450.004.606	990.755.248
Thu phí dịch vụ	186.240.459	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Thu phí cước vận tải quốc tế	78.978.524	84.093.783
Thu phí dịch vụ	26.169.944	30.444.237

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	926.210.946	758.140.009
Chi phí nhân công	42.738.875.424	55.394.346.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497.407.267	516.051.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.906.644.408	1.719.448.879.975
Các chi phí khác	30.700.738.469	30.187.750.728
Cộng	<u>1.608.769.876.514</u>	<u>1.806.305.168.837</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.871.362.173	9.400.747.394
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.610.560.070	676.581.289
Lãi đầu tư trái phiếu ngân hàng	78.576.389	78.906.250
Lãi cho vay	-	232.168.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.254.737.690	3.071.851.999
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	690.026.061	111.446.156
Cộng	<u>16.505.262.383</u>	<u>13.571.701.088</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.245.614.420	3.658.416.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.728.871.570	1.272.742.252
Cộng	<u>7.974.485.990</u>	<u>4.931.159.096</u>

6. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới khai thác hàng.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.556.795.861	13.842.702.422
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.213.178	65.169.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	653.332.391	680.354.870
Dự phòng phải thu khó đòi	237.559.305	1.668.828.524
Chi phí thuê văn phòng	2.724.849.768	2.425.905.708
Dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, internet ...)	1.038.345.656	987.665.900
Các chi phí khác	5.574.815.687	4.639.835.795
Cộng	<u>21.848.911.846</u>	<u>24.310.462.990</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	81.818.182	-
Xử lý các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	2.855.385.844	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	132.413.267	941.828.558
Các khoản thu nhập khác	15.068.103	14.671.488
Cộng	<u>3.084.685.396</u>	<u>956.500.046</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	47.157.831	185.682.118
Các khoản chi phí khác	5.629.885	5.528.717
Cộng	<u>52.787.716</u>	<u>191.210.835</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	32.470.084.444	41.411.485.033
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(4.896.000.000)	(6.400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	27.574.084.444	35.011.485.033
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.683.950	5.584.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.851	6.269

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	926.210.946	758.140.009
Chi phí nhân công	54.295.671.285	69.237.049.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.739.658	1.196.406.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.537.835.549.034	1.723.049.332.233
Chi phí khác	53.174.367.850	52.905.590.108
Cộng	1.647.382.538.773	1.847.146.517.767

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	19.069.332.482	22.067.281.028
Trên 1 năm đến 5 năm	16.491.637.456	28.308.615.246
Cộng	35.560.969.938	50.375.896.274

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.274.400.000	1.274.400.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.200.000.000	1.262.056.311
Cộng	2.474.400.000	2.536.456.311

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông nắm giữ 53,42% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 10,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Cổ đông nắm giữ 8,76% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Mippec	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	1.838.755.351	2.162.671.586
Chia cổ tức	1.443.160.000	5.688.240.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Phí thuê văn phòng	2.134.412.724	1.872.129.216
Phí điện, nước của văn phòng thuê	1.337.554.543	1.240.483.163
Phí bốc xếp, nâng rỗng, chứng từ	180.742.964	78.986.096
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	-	544.978.616
Chia cổ tức	304.000.000	1.216.000.000
Chia lợi nhuận	504.000.000	3.032.222.222

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.9 và V.13a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoại trừ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được trích lập đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) (xem thuyết minh số V.5), không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Tập đoàn chủ yếu là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại các ngân hàng trong nước và lợi nhuận phải thu từ công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản ký quỹ và lợi nhuận phải thu này.

Đối với các khoản thu chi hộ cho khách hàng là hãng tàu mà Tập đoàn làm đại lý, Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát thường xuyên các khoản thu hộ và chi hộ, đảm bảo các khoản thu hộ luôn cao hơn các khoản chi hộ tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.202.519.785	-	-	97.202.519.785
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.842.000.000	-	-	37.842.000.000
Phải thu khách hàng	165.210.290.711	2.493.701.602	9.225.943.693	176.929.936.006
Các khoản phải thu khác	157.545.807.708	-	-	157.545.807.708
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	-	11.540.435.327
Cộng	469.341.053.531	2.493.701.602	9.225.943.693	481.060.698.826
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.427.597.417	-	-	145.427.597.417
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.559.770.274	-	-	20.559.770.274
Phải thu khách hàng	192.370.327.555	1.258.383.364	15.338.377.980	208.967.088.899
Các khoản phải thu khác	143.988.330.146	-	-	143.988.330.146
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	-	11.540.435.327
Cộng	513.886.460.719	1.258.383.364	15.338.377.980	530.483.222.063

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là dưới 6 tháng.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	179.807.771.182	-	179.807.771.182
Vay và nợ	67.462.112.478	-	67.462.112.478
Các khoản phải trả khác	118.359.623.428	5.461.160.807	123.820.784.235
Cộng	365.629.507.088	5.461.160.807	371.090.667.895

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Phải trả người bán	221.444.181.266	-	221.444.181.266
Vay và nợ	76.127.898.776	-	76.127.898.776
Các khoản phải trả khác	144.454.488.523	5.326.830.847	149.781.319.370
Cộng	442.026.568.565	5.326.830.847	447.353.399.412

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và bán vé máy bay quốc tế với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.487.236,54	2.632.721,35
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	200.000,00
Phải thu khách hàng	439.641,97	280.583,19
Các khoản phải thu khác	341.623,31	510.147,33
Phải trả người bán	(6.669.448,36)	(8.951.013,32)
Các khoản phải trả khác	(2.477.309,59)	(1.725.116,68)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(6.878.256,13)	(7.052.678,13)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.560.327.142 VND (năm trước giảm/tăng 2.574.665.006 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.650.000.000 VND (số đầu năm là 1.650.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.800.000.000	7.844.770.274
Phải thu khách hàng	27.774.000.000	27.198.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (ký quỹ tại Ngân hàng)	96.696.229.250	82.000.000.000
Phải thu dài hạn khác (ký quỹ tại Ngân hàng)	844.000.000	-
Cộng	<u>147.114.229.250</u>	<u>117.042.770.274</u>

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.202.519.785	-	145.427.597.417	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.842.000.000	-	20.559.770.274	-
Phải thu khách hàng	176.929.936.006	(8.666.400.065)	208.967.088.899	(12.791.379.468)
Các khoản phải thu khác	157.545.807.708	-	143.988.330.146	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	11.540.435.327	-
Cộng	<u>481.060.698.826</u>	<u>(8.666.400.065)</u>	<u>530.483.222.063</u>	<u>(12.791.379.468)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	179.807.771.182	221.444.181.266
Vay và nợ	67.462.112.478	76.127.898.776
Các khoản phải trả khác	123.820.784.235	149.781.319.370
Cộng	371.090.667.895	447.353.399.412


Giá trị hợp lý


Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập


Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	6.925.977.872	163.567.493.743	7.115.422.473	235.856.744.088
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	41.411.485.033	2.801.408.677	44.212.893.710
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.000.000.000	(6.184.900.000)	(151.100.000)	(5.336.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(11.169.000.000)	(3.522.222.222)	(14.691.222.222)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	240.294.125	(156)	240.293.969
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	7.925.977.872	187.865.372.901	6.243.508.772	260.282.709.545
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	7.925.977.872	187.865.372.901	6.243.508.772	260.282.709.545
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	27.922.500.000	27.922.500.000	-	-	-	-	55.845.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	32.470.084.444	1.239.639.440	33.709.723.884
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.000.000.000	(7.233.920.000)	(184.880.000)	(6.418.800.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(2.792.250.000)	(700.000.000)	(3.492.250.000)
Chỉ phí phát hành	-	(126.000.000)	-	-	-	-	(126.000.000)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	419.097.969	-	419.097.969
Số dư cuối năm nay	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	8.925.977.872	210.728.385.314	6.598.268.212	340.219.481.398

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019



(Signature)

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



(Signature)

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

TP HCM , ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN BÍCH LÂN